

Số/No: 22/TN6/1006-01

Trang/Total: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Thay thế phiếu kết quả số 22/TN6/1006-01 ký ngày 17/11/2022)

- Tên mẫu thử / Sample name: **Xăng E5 RON 92-II pha "Chất phụ gia dầu Yamamoto".**
Gasoline E5 RON 92-II mixed with "Yamamoto Oil Additives".
- Khách hàng / Customer: **Công ty TNHH Quốc tế VECO.**
VECO International Co., Ltd.
- Số lượng mẫu/Quantity: **01 can x 05 lít/01 can x 05 liter**
- Ngày nhận mẫu/Reception date: **10/11/2022**
- Tình trạng mẫu/Observation: **Mẫu đựng trong can nhựa/Sample in plastic can.**
- Thời gian thử nghiệm /Time of testing: **Từ ngày 11/11 đến ngày 15/11/2022/ From 11/11 to 15/11/2022.**

STT Item	Tên chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test Method	Mức cho phép TCVN 8063:2018 (Mức 2)	Kết quả Result
1	Trị số Octan/ Octan number	RON	TCVN 2703:2013	$\geq 92,0$	93,7
2	Hàm lượng chì/ Lead content	g/l	TCVN 7143:2010	$\leq 0,005$	Không phát hiện ($< 0,001$) Not detected
3	Thành phần cất/ Distillation: - Sôi đầu (IBP) - 10% - 50% - 90% - Sôi cuối (End point) - Cặn (% v) (Residue)	°C	TCVN 2698:2011	Báo cáo/ Report ≤ 70 ≤ 120 ≤ 190 ≤ 215 $\leq 2,0$	37,5 45,8 78,1 144,7 179,2 1,0
4	Ăn mòn đồng ở 50 °C/ Copper corrosion at 50 °C	-	TCVN 2694:2007	Loại 1 Type 1	1a
5	Hàm lượng nhựa thực tế/ Gum content	mg/100ml	TCVN 6593:2010	≤ 5	4,6
6	Độ ổn định oxy hóa/ Oxidation stability	Phút minute	TCVN 6778:2006	≥ 480	> 480

Signature

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 22/TN6/1006-02

Trang/Page: 1/3

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Thay thế phiếu kết quả số 22/TN6/1006-02 ký ngày 17/11/2022)

- Tên mẫu thử / Sample name: **Xăng RON 95-III pha "Chất phụ gia dầu Yamamoto".**
Gasoline RON 95-III mixed with "Yamamoto Oil Additives".
- Khách hàng / Customer: **Công ty TNHH Quốc tế VECO.**
VECO International Co., Ltd.
- Số lượng mẫu/Quantity: **01 can x 15 lít/01 can x 15 liter**
- Ngày nhận mẫu/Reception date: **10/11/2022**
- Tình trạng mẫu/Observation: **Mẫu đựng trong can nhựa/Sample in plastic can.**
- Thời gian thử nghiệm / Time of testing: **Từ ngày 11/11 đến ngày 15/11/2022/ From 11/11 to 15/11/2022.**

STT Item	Tên chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test Method	Mức cho phép TCVN 6776:2013 (Mức 3)	Kết quả Result
1	Trị số Octan/ Octan number	RON	TCVN 2703:2013	≥ 95	95,1
2	Hàm lượng chì/ Lead content	g/l	TCVN 7143:2010	$\leq 0,013$	Không phát hiện ($< 0,001$) Not detected
3	Thành phần cất/ Distillation: - Sôi đầu (IBP) - 10% - 50% - 90% - Sôi cuối (End point) - Cặn (% v) (Residue)	°C	TCVN 2698:2011	Báo cáo/ Report ≤ 70 70 - 120 ≤ 190 ≤ 210 $\leq 2,0$	36,0 48,1 86,2 152,2 189,3 1,0
4	Ăn mòn đồng ở 50 °C/ Copper corrosion at 50 °C	.	TCVN 2694:2007	Loại 1 Type 1	1a
5	Hàm lượng nhựa thực tế/ Gum content	mg/100ml	TCVN 6593:2010	$\leq 5,0$	2,2
6	Độ ổn định oxy hóa/ Oxidation stability	Phút minute	TCVN 6778:2006	≥ 480	> 480

tu Anh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is value only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 22/TN6/1005

Trang: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Thay thế phiếu kết quả số 22/TN6/1005 ký ngày 17/11/2022)

- Tên mẫu thử / Sample name: **Dầu DO 0,001S pha "Chất phụ gia dầu Yamamoto".**
DO 0.001S Oil mixed with "Yamamoto Oil Additives".
- Khách hàng / Customer: Công ty TNHH Quốc tế VECO.
VECO International Co., Ltd.
- Số lượng mẫu/Quantity: 01 can x 15 lít/01 can x 15 liter
- Ngày nhận mẫu/Reception date: 10/11/2022
- Tình trạng mẫu/Observation: Mẫu đựng trong can nhựa/Sample in plastic can.
- Thời gian thử nghiệm / Time of testing: Từ ngày 14/11 đến ngày 17/11/2022/ From 14/11 to 17/11/2022.

STT Item	Tên chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test Method	Kết quả Result
1	Hàm lượng lưu huỳnh (Sulfur content)	mg/kg	TCVN 7760:2013	4,3
2	Chỉ số cetan (Cetane index)	-	TCVN 3180:2013	55,2
3	Nhiệt độ cất ở 90 % thể tích (Distillation temperature at 90 % volume)	°C	TCVN 2698:2011	333,9
4	Điểm chớp cháy cốc kín (Flash point by closed cup testery)	°C	TCVN 2693:2007	63,0
5	Độ nhớt động học ở 40 °C (Kinematic viscosity at 40 °C)	mm ² /s	TCVN 3171:2011	2,56
6	Hàm lượng cặn Cacbon (Conradson carbon residue)	%Wt	TCVN 7865:2008	0,005
7	Điểm đông đặc (Pour point)	°C	TCVN 3753:2011	- 9
8	Hàm lượng tro (Ash content)	%Wt	TCVN 2690:2011	0,001
9	Hàm lượng nước (Water content)	mg/kg	TCVN 3182:2013	156,2

tiểu

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test results is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của trung tâm Kỹ thuật 1.
This test results shall not reproduced except in full, without the written approval of QC. ATTEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.